

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 79 /2017/ HSST
Ngày 27/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức Hiếu

Nghề nghiệp: Hưu trí

Bà Phạm Hồ Quỳnh Uyên

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Phòng giáo dục và đào tạo quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2017/ HSST ngày 08 tháng 9 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. NGÔ VĂN N; sinh ngày: 03/9/2000 ; nơi ĐKNKTT, hiện cư trú tại: tổ 28, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Ngô Văn Đ và bà Nguyễn Thị T; gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt giam từ ngày 20/02/2017; có mặt.

2. BÙI VĂN P; sinh ngày: 31/12/2000; nơi ĐKNKTT, hiện cư trú tại: số 19, đường 10, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Bùi Kim Đ và bà Phạm Thị Kim L; gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ ba; tiền sự: không; tiền án: tại bản án số 85/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử phạt Bùi Văn P 06 (sáu) tháng tù. Bị cáo bị bắt giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam trong một vụ án khác; có mặt.

3. LƯƠNG VÕ K; sinh ngày: 24/9/1995; nơi ĐKNKTT, hiện cư trú tại: tổ 25a, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn

hóa: 06/12; con ông Lương D và bà Võ Thị L; gia đình có 04 người con, bị cáo là con thứ ba; tiền sự: không; tiền án: Ngày 29/9/2016, Lương Võ K bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Che giấu tội phạm*”. Bị cáo bị bắt giam từ ngày 08/02/2017; có mặt.

4. BUI VĂN H; sinh ngày: 09/01/1998; nơi ĐKNKTT, hiện cư trú tại: số 19, đường 10, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Bùi Kim Đ và bà Phạm Thị Kim L; gia đình có 03 người con, bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. NGUYỄN CHÍ B; sinh ngày: 23/9/1996; nơi ĐKNKTT, hiện cư trú tại: tổ 45B, phường H, thành phố A, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Ngọc B; gia đình có 01 người con, bị cáo là con duy nhất; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. ĐẶNG THỊ KIM O; sinh năm: 1978; nơi ĐKNKTT: tổ 41, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng, hiện cư trú tại: phòng 103 khu 1A, Chung cư B, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: không biết chữ; con ông Đặng Văn Đ và bà Trần Thị T; gia đình có 04 người con, bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. TRẦN HỮU H; sinh năm: 1993; nơi ĐKNKTT, hiện cư trú tại: tổ 87, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 06/12; con ông Trần Hữu P và bà Nguyễn Thị M; gia đình có 04 người con, bị cáo là con thứ tư; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. LÊ TẤN V; sinh năm: 1992; nơi ĐKNKTT, hiện cư trú tại: tổ 8c, phường P, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Lê Văn T và bà Dương Thị T; gia đình có 04 người con, bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp* của bị cáo Ngô Văn N có ông Ngô Văn Đ, sinh năm: 1973 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1972; cùng địa chỉ: tổ 28, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người đại diện hợp pháp* của bị cáo Bùi Văn P có ông Bùi Kim Đ, sinh năm: 1969 và bà Phạm Thị Kim L, sinh năm: 1973; cùng địa chỉ: số 19 đường 10, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người bào chữa* cho bị cáo Ngô Văn N có bà Nguyễn Thị Kim A- Trợ giúp viên pháp lý thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người bào chữa* cho bị cáo Bùi Văn P có ông Nguyễn Thành Đ - Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người bị hại:*

- Anh Đỗ Ngọc B, sinh năm: 1978; địa chỉ: phòng 611, khu C, chung cư B, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Anh Mai Văn H, sinh năm: 1998; địa chỉ: chung cư 1A, tầng 2, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Minh Q, sinh năm: 1993; địa chỉ: số 91 đường Đ, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Chị Đỗ Thị M, sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ 136, Nại Hiên Đông, Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Hùng V, sinh năm: 1968; địa chỉ: tổ 04, khối T, phường Cẩm Phô, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Anh Đỗ Văn N, sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ 27, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Anh Đỗ Nguyễn Nhật M, sinh ngày: 1998; địa chỉ: phòng 609, nhà 1C chung cư B, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Chị Trương Thị H, sinh năm: 1979; địa chỉ: phòng 605, khu 1D, chung cư B, tổ 47, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Anh Tạ Ngọc N, sinh năm: 1998; địa chỉ: tổ 132, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Chị Hoàng Thị Kim H, sinh năm: 1971; địa chỉ: tổ 267, phường Hòa Minh, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Anh Huỳnh Duy V, sinh ngày: 13/02/1999; địa chỉ: phòng 204, nhà B chung cư L, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Anh Tôn Thất Đ, sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ 68, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm: 1988; địa chỉ: tổ 64, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Chị Đặng Thị B, sinh năm: 1986; địa chỉ: phòng 704 nhà 2A, chung cư L, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Anh Trần S, sinh năm: 1986; địa chỉ: phòng 708 nhà 1A, chung cư Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Lê Anh H, sinh ngày: 27/8/2002; địa chỉ: tổ 29A, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của Lê Anh H có ông Lê Thanh T, sinh năm: 1974; địa chỉ: tổ 29A, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Trần Tấn V, sinh ngày: 16/6/2002; địa chỉ: tổ 40A, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt. Người đại diện hợp pháp của Trần Tấn V có ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1966; địa chỉ: tổ 40, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.
- Đồng Viết H, sinh ngày: 12/10/2001; địa chỉ: tổ 53, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt. Người đại diện hợp pháp của Đồng Viết H có bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ 53, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.
- Đỗ Thế C, sinh ngày: 05/3/2001; địa chỉ: phòng 706, khu 1B, chung cư B, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của Đỗ Thế C có ông Đỗ Thế A, sinh năm: 1966; địa chỉ: phòng 706, khu 1B, chung cư B, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Nguyễn Thành Q, sinh ngày: 23/6/2001; địa chỉ: phòng 404, khu 1D, chung cư B, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thành Q có ông Nguyễn Huỳnh C, sinh năm: 1982; địa chỉ: phòng 404, khu 1D, chung cư B, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Ngô Văn N, sinh ngày: 26/10/2000; địa chỉ: tổ 22A, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt. Người đại diện hợp pháp của Ngô Văn N có bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1970; địa chỉ: : tổ 22A, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.
- Anh Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1989; K134/21 T, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Bà Huỳnh Thị A, sinh năm: 1964; địa chỉ: phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.
- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1960; địa chỉ: xã Đ, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
- Ông Huỳnh Kim K, sinh năm: 1944; địa chỉ: : tổ 12 (cũ), phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Anh Đỗ Phú L, sinh năm: 1973; địa chỉ: phòng 609, nhà 1C chung cư B, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Chị Lê Hạ U, sinh năm: 1985; địa chỉ: số 70 đường H, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Anh Lê Thạch T, sinh năm: 1972; địa chỉ: K179 đường N, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Anh Dương Văn V, sinh năm: 1971; địa chỉ: tổ 39, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1970; địa chỉ: tổ 3A, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Anh Huỳnh Văn D, sinh năm: 1982; địa chỉ: tổ 118, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Chị Lê Thị Minh Nt; địa chỉ: tổ 23, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Ông Phạm Đình T, sinh năm: 1955; địa chỉ: tổ 46 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Ông Hồ Ngọc H, sinh năm: 1967; địa chỉ: tổ 40, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Anh Nguyễn H, sinh năm: 1975; địa chỉ: tổ 45, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Ông Lê Xuân B, sinh năm: 1965; địa chỉ: tổ 45, phường Q, quận T, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị Giáng S, sinh năm: 1977; địa chỉ: tổ 04, khối T, phường P, thành phố A, tỉnh N; vắng mặt.
- Anh Ngô Trung H, sinh năm: 1980; địa chỉ: tổ 31, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.
- Anh Hà Thanh T, sinh năm: 1975; địa chỉ: tổ 3, phường P, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 07/2016 đến ngày 18/02/2017, với thủ đoạn lợi dụng sơ hở của người dân trong việc quản lý tài sản, Ngô Văn N, Bùi Văn P, Lương Võ K, Lê Anh H, Đồng Viết H, Trần Tấn V, Đỗ Thế C và Ngô Văn N đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô các loại của người dân để sử dụng hoặc đem bán lại lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Đêm ngày 17/11/2016, tại nhà 1C chung cư B, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng Ngô Văn N, Đồng Viết H, Bùi Văn P và tên C (chưa xác định nhân thân lai lịch) trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Wave α màu đen, BKS 43R1-0280 trị giá 4.000.000 đồng của anh Đỗ Ngọc B. Sau đó, chiếc xe này P sử dụng làm phương tiện đi lại cho đến ngày bị phát hiện. Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã trao trả xe trên cho anh Đỗ Ngọc B. Anh B không có yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ hai: Khoảng tháng 12/2016, Hòa nhờ Lương Võ K làm giúp 01 cây đoản để phá khóa trộm cắp xe, do H hứa hẹn trộm được xe sẽ nhờ mình bán nên K đồng ý. Khoảng hai ngày sau K làm xong đoản và giao cho H. Có được đoản, khoảng 20h00 ngày 30/12/2016, tại trước quán Internet RYO, số 197 L, phường T, quận L, Ngô Văn N và Lê Anh H phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu xanh đen BKS 75K5-6558 trị giá 13.750.000 đồng của anh Nguyễn Minh Q không

có người trông giữ. N ra đứng trước quán cảnh giới còn H dùng đoạn bẻ khóa xe rồi nổ máy chở N tẩu thoát.

Đến ngày 02/01/2017, cả hai nhờ Lương Võ K bán giúp chiếc xe trên cho Nguyễn Chí B với giá 2.000.000 đồng, B đưa trước 700.000 đồng và hẹn đến ngày 08/01/2017 sẽ trả phần còn lại. Số tiền này K đưa cho H 350.000 đồng còn lại K giữ 350.000 đồng. Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã trao trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu xanh đen, BKS 75K5- 6558 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Nguyễn Văn C. Ông C không có yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ ba: Khoảng 0h ngày 02/01/2017, tại Khu chung cư C thuộc phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng Lê Anh H, Ngô Văn N, Đồng Viết H, Bùi Văn P trộm cắp một xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ, BKS 43X2-7772 trị giá 5.000.000 đồng của chị Đỗ Thị M và một xe mô tô hiệu Wave alpha màu xanh (không rõ biển số). Xe mô tô hiệu Sirius cả nhóm bán cho Bùi Văn H được 1.000.000đ và cùng tiêu xài hết. Còn xe mô tô hiệu Wave màu xanh H dùng làm phương tiện đi lại, sau đó bị hỏng nên H vứt ở đường ven sông Cẩm Lệ (hiện nay chưa thu hồi được). Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã trao trả chiếc xe hiệu Sirius màu đỏ, BKS 43X2-7772 cho chị Đỗ Thị M. Chị M không có yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ tư: Vào tối ngày 29/01/2017, tại phường P, thành phố A, tỉnh N Bùi Văn P và Lê Anh H trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Sirius màu đen, BKS 92F8-5056 trị giá 2.400.000 đồng của anh Nguyễn Hùng V đang dựng trước nhà. Chiếc xe này P và Nguyễn Thanh Q đem bán cho Đặng Thị Kim O. O biết đây là xe do trộm cắp được mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 1.400.000 đồng. Số tiền bán xe P và H sử dụng để tiêu xài chung. Cơ quan điều tra đã trao trả xe trên cho anh V. Anh V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra còn xác định, ngoài các lần phạm tội trên, Ngô Văn N cùng đồng bọn còn thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản là xe mô tô như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 24/12/2016, tại nhà 1A chung cư B, phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng Lê Anh H, Đồng Viết H, Trần Tấn V và một đối tượng tên K (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Sirius màu trắng, BKS 43R1-6068 trị giá 5.000.000 đồng của anh Mai Văn H. Hòa nhờ Lương Võ K tìm cách tiêu thụ chiếc xe trên. Thông qua Lê Tấn V, K đã bán chiếc xe này cho Trần Hữu H với giá 1.400.000 đồng. H chia cho K 250.000 đồng. Số tiền còn lại Hòa tiêu xài cá nhân hết. Chiếc xe trên do anh Nguyễn Huỳnh Thanh T đứng tên chủ sở hữu, Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã trao trả xe trên cho chị Huỳnh Thị A (mẹ anh T). Chị A nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 7/2016, tại nghĩa trang Q, quận S, thành phố Đà Nẵng, Ngô Văn N và Bùi Văn P trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Lifan màu nâu, BKS 43K8-0935 trị giá 600.000 đồng của anh Đỗ Văn N. Chiếc xe này N và P sử dụng làm phương tiện đi lại chung cho đến ngày bị phát hiện. Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã trao trả xe trên cho anh Đỗ Văn N. Anh N không có yêu cầu gì thêm.

Lần thứ ba: Đêm ngày 02/11/2016, tại khu chung cư B, phường Đ, Đồng Viết H và Lê Anh H trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Boss BKS 43H3-7496 trị giá 600.000 đồng của anh Đỗ Nguyễn Nhật M. Chiếc xe này H và H sử dụng làm phương tiện đi lại chung cho đến ngày bị phát hiện. Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã trao trả xe trên cho cha ruột của anh M là ông Đỗ Phú L. Ông L không có yêu cầu gì thêm.

Lần thứ tư: Đêm ngày 25/12/2016, tại nhà 1D chung cư B, quận L, thành phố Đà Nẵng, Trần Tấn V và Ngô Văn N, Đỗ Thế C và Q (chưa xác định được lai lịch) trộm cắp một xe mô tô nhãn hiệu Wana màu xanh, BKS 43K4-7465 trị giá 600.000 đồng của chị Trương Thị H. Chiếc xe này N sử dụng làm phương tiện đi lại cho đến ngày bị phát hiện. Cơ quan CSĐT Công an quận Cẩm Lệ đã giao xe mô tô trên cho chị Trương Thị H quản lý, sử dụng. Chị H không có yêu cầu gì khác về phần dân sự.

Lần thứ năm: Đêm ngày 07/01/2017, tại khu chung cư C, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng, Ngô Văn N, Bùi Văn P, Lê Anh H, Đồng Viết H trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Halong, màu xanh, BKS 43K6-8880 trị giá 600.000 đồng của anh Tạ Ngọc N và một chiếc xe mô tô màu xám, trắng hiệu Honlei, BKS 79D1-091.77 (hiện chưa xác định được bị hại). Hai chiếc xe này cả nhóm sử dụng chung. Cơ quan điều tra đã giao xe mô tô hiệu Halong, màu xanh, BKS 43K6-8880 cho anh N quản lý, sử dụng. Anh N không có yêu cầu gì thêm.

Lần thứ sáu: Tối ngày trong tháng 01/2017, tại khu chung cư C, huyện V, thành phố Đà Nẵng, Đồng Viết H và Lê Anh H trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Daehan màu nâu, BKS 43H5-2089 trị giá 600.000 đồng của chị Hoàng Thị Kim H. Chiếc xe trên, H, H cùng sử dụng chung. Cơ quan điều tra đã giao chiếc xe mô tô trên cho chị H quản lý, sử dụng. Chị H không có yêu cầu gì thêm.

Lần thứ bảy: Rạng sáng ngày 27/01/2017, tại vỉa hè đường S của chung cư Sả, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng, Ngô Văn N và Bùi Văn P trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Wang Guan màu xanh, BKS 43K4 – 3870 trị giá 600.000 đồng của anh Huỳnh Duy. Chiếc xe trên P sử dụng để đi lại cho đến ngày bị phát hiện. Cơ quan điều tra đã giao chiếc xe mô tô trên cho anh V quản lý, sử dụng. Anh V không có yêu cầu gì thêm.

Lần thứ tám: Tối ngày 28/01/2017, tại tầng trệt nhà 3 chung cư N, quận C, thành phố Đà Nẵng, Ngô Văn P, Lê Anh H, Trần Tấn V, Đỗ Thế C trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Lisohaka, BKS 43H6-6760 trị giá 600.000 đồng của anh Tôn Thất Đ và 01 xe mô tô hiệu Savant màu đỏ, BKS 43S8-5981 trị giá 600.000 đồng của anh Nguyễn Hoàng P. Sau khi trộm cắp được hai chiếc xe này, H đem về tháo vớt biển số xe và sử dụng để đi lại. Cơ quan điều tra đã giao chiếc xe mô tô Lisohaka, BKS 43H6-6760 cho anh Đ và giao xe mô tô hiệu Savant, BKS 43S8-5981 cho chị Nguyễn Thị Bích H quản lý, sử dụng. Anh Đ và chị H không có yêu cầu gì thêm.

Lần thứ chín: Tối ngày 16/02/2017, tại khu chung cư Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng, Lê Anh H và Đỗ Thế C trộm cắp được một xe mô tô hiệu Well màu xanh đậm, BKS 43D1-564.08 trị giá 600.000 đồng của chị Đặng Thị B và 01 xe mô tô hiệu Ware màu xanh, BKS 43S5-7332 trị giá 600.000 đồng của anh Trần S. Xe trên, H và C cùng sử dụng để đi lại cho đến ngày bị phát hiện. Cơ quan điều tra đã giao chiếc xe Well màu xanh đậm, BKS 43D1-564.08 cho chị B và giao xe mô tô hiệu Ware màu xanh, BKS 43S5-7332 cho anh S quản lý, sử dụng. Chị B và anh S không có yêu cầu gì thêm.

Ngoài ra Ngô Văn N cùng đồng bọn còn khai nhận thêm đã thực hiện 10 vụ trộm cắp xe mô tô khác trên địa bàn các quận, huyện thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều tra đã thông báo nhưng chưa xác định được bị hại nên tách ra xử lý sau.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Ngô Văn N, Lương Võ K, Bùi Văn P, Bùi Văn H, Nguyễn Chí B, Đặng Thị Kim O, Trần Hữu H và Lê Tấn V đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu qua điều tra đã thu thập.

Bản cáo trạng số 56/KSĐT ngày 07/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Lương Võ K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Ngô Văn N và Bùi Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Nguyễn Chí B, Bùi Văn H, Đặng Thị Kim O, Trần Hữu H và Lê Tấn V về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Ngô Văn N từ 16 đến 19 tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Văn P từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng Điều 50; Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án số 85/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lương Võ K từ 24 đến 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; từ 09 đến 12 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt từ 33 tháng đến 42 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Chí B từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bùi Văn H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đặng Thị Kim O từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Hữu H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Tấn V từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên truy thu tiền thu lợi bất chính.

Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại hình trụ lục giác, một đầu dẹt, nhọn và 01 cờ lê số 8 (đoản phá khóa xe mô tô).

Tuyên trả lại cho Bùi Văn P 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn P.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn N thống nhất về việc Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo N về tội Trộm cắp tài sản nhưng không thống nhất về việc truy tố các bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự và không đồng ý việc Kiểm sát viên đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1

Điều 48 Bộ luật hình sự; mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo N từ 16 đến 19 tháng tù là nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo N; không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và đề nghị mức hình phạt từ 06 đến 12 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Văn P thống nhất về việc Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Bùi Văn P về tội Trộm cắp tài sản nhưng không thống nhất về việc truy tố bị cáo theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, trong quá trình điều tra P đã khai ra những lần phạm tội khác. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo P 06 tháng tù.

Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cẩm Lệ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo Ngô Văn N, Bùi Văn P, Lương Võ K, Bùi Văn H, Nguyễn Chí B, Đặng Thị Kim O, Trần Hữu H và Lê Tấn V khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo Lương Võ K cho rằng bị cáo chỉ trao đổi, bàn bạc với Lê Anh H chứ không có trao đổi, bàn bạc với Ngô Văn N và Bùi Văn P. Qua lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2016 đến cuối tháng 01/2017, với thủ đoạn lợi dụng sơ hở của người dân trong việc quản lý tài sản, Ngô Văn N, Bùi Văn P đã thực hiện 04 vụ trộm cắp xe mô tô của người dân trên địa bàn quận L, quận T, thành phố Đà Nẵng và thành phố A, tỉnh Quảng Nam với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 25.150.000 đồng. Lương Võ K dù không trực tiếp tham gia trộm cắp tài sản nhưng đã tích cực giúp sức trong việc chuẩn bị công cụ phạm tội và tiêu thụ tài sản. Cụ thể: Ngô Văn N thực hiện 03 vụ với giá trị tài sản chiếm đoạt được là 22.750.000 đồng; Bùi Văn P thực hiện 02 vụ với giá trị tài sản chiếm đoạt được là 7.400.000 đồng; Lương Võ K

tham gia giúp sức 03 vụ với giá trị tài sản chiếm đoạt được là 21.150.000 đồng. Dù biết là tài sản do trộm cắp được mà có nhưng Bùi Văn H đã tiêu thụ 01 xe mô tô trị giá 5.000.000 đồng, Nguyễn Chí B tiêu thụ 01 xe mô tô trị giá 13.750.000 đồng, và Đặng Thị Kim O tiêu thụ 01 xe mô tô trị giá 2.400.000 đồng; Lương Võ K, Trần Hữu H, Lê Tấn V tiêu thụ 01 xe mô tô trị giá 5.000.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Ngô Văn N, Bùi Văn P và Lương Võ K đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Lương Võ K, Bùi Văn H, Nguyễn Chí B, Đặng Thị Kim O, Trần Hữu H và Lê Tấn V đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ, hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi cá nhân đều được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thế nhưng, các bị cáo Ngô Văn N, Bùi Văn P và Lương Võ K vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và phương tiện đi lại nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu, đã lén lút lấy trộm xe mô tô bằng hình thức dùng chìa khóa mở khóa và dùng đoạn phá khóa xe nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong một thời gian dài, chiếm đoạt tổng cộng 23 chiếc xe máy. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp, các bị cáo cùng nhau bàn bạc, thống nhất về thời gian, địa điểm; chuẩn bị công cụ là chìa khóa xe và đoạn phá khóa, tài sản chiếm đoạt được một số xe bán lấy tiền cho cả nhóm tiêu xài chung và thuê nhà nghỉ; một số xe dùng để làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp, giữa các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Ngô Văn N có vai trò tích cực nhất, khởi xướng, rủ rê bị cáo P thực hiện hành vi trộm cắp. Có vụ bị cáo là người trực tiếp dùng đoạn phá khóa xe dắt xe, có vụ bị cáo làm nhiệm vụ đứng cảnh giới để bị cáo P và H phá khóa xe. Bị cáo N thực hiện 03 vụ với giá trị tài sản chiếm đoạt được là 22.750.000 đồng (*hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bị cáo Bùi Văn P khi nghe bị cáo N rủ rê thì đồng ý, có vụ P trực tiếp phá khóa xe, có vụ P làm nhiệm vụ cảnh giới. Bị cáo P thực hiện 02 vụ với giá trị tài sản chiếm đoạt được là 7.400.000 đồng (*bảy triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Bị cáo N và bị cáo P có nhân thân xấu, các bị cáo đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam truy tố về hành vi “*Cướp giật tài sản*” theo Điều 136 Bộ luật hình sự. Ngày 28/9/2017, bị cáo Phú bị Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Hiện nay, bị cáo P đang bị bắt tạm giam theo Lệnh tạm giam của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo Lương Võ K đồng phạm với vai trò giúp sức. Sau khi nghe H bảo làm giúp đoản phá khóa để trộm cắp xe thì K đồng ý làm và hứa hẹn với H sẽ tiêu thụ xe mà H và đồng phạm chiếm đoạt được. K đã chế tạo đoản để H, N, P dùng làm công cụ để phá khóa xe và chiếm đoạt xe máy của người khác. Giữa N, H và K có sự bàn bạc, hứa hẹn trước là sau khi trộm được xe máy sẽ đưa cho K để K mang đi tiêu thụ. K thông qua mối quan hệ của mình đã bán được 03 chiếc xe với giá trị tài sản chiếm đoạt được là 21.150.000 đồng (*hai mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*). Như vậy, hành vi của Lương Võ K là đồng phạm giúp sức và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Bị cáo N thực hiện 03 vụ, bị cáo P thực hiện 02 vụ, bị cáo K thực hiện 03 vụ. Đồng thời, ngày 29/9/2016 bị cáo K bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Che giấu tội phạm*” nhưng chưa được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Do vậy, các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần, tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Dù biết là tài sản do trộm cắp được mà có nhưng vì háms lợi nên Bùi Văn H đã tiêu thụ 01 xe mô tô trị giá 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*); Nguyễn Chí B tiêu thụ 01 xe mô tô trị giá 13.750.000 đồng (*mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*); Đặng Thị Kim O tiêu thụ 01 xe mô tô trị giá 2.400.000 đồng (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*); Lương Võ K, Trần Hữu H và Lê Tấn V tiêu thụ 01 xe mô tô trị giá 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, đối với các bị cáo cần xử một mức án nghiêm mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Song cũng xét, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo N và bị cáo P là người chưa thành niên nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 69 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo Ngô Văn N, Bùi Văn P và Lương Võ K cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Các bị cáo Bùi Văn H, Nguyễn Chí B, Đặng Thị Kim O, Trần Hữu H và Lê Tấn V phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xe đã trả lại cho chủ sở hữu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đồng thời, bị cáo Lê Tấn V đã có thời gian phục

vụ trong quân ngũ nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

Do các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo Bùi Văn H là anh trai của bị cáo Bùi Văn P nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo về địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục và ấn định thời gian thử thách cũng thỏa đáng.

Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn N và người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn P đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Như đã phân tích ở trên, giữa các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, các bị cáo đã chuẩn bị công cụ, phương tiện, bàn bạc với nhau về việc tiêu thụ, thống nhất về thời gian, địa điểm, tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp, có sự phân hóa vai trò của mỗi bị cáo và thực hiện theo kế hoạch đã định trước. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị trên.

Xét đề nghị không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự của người bào chữa cho bị cáo N: Bị cáo N thực hiện 03 vụ, chiếm đoạt 03 chiếc xe, giá trị mỗi chiếc xe đều trên 2.000.000đ. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị trên.

Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Văn P đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội tự thú, được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo P thì thấy: theo quy định của pháp luật thì người phạm tội tự thú, khai báo hành vi phạm tội của mình trong khi chưa ai phát hiện được mình phạm tội. Tuy nhiên, trong trường hợp này bị cáo P khai ra hành vi phạm tội của mình khi Cơ quan điều tra đã biết. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của luật sư.

Xét bản thân và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo hiện nay rất khó khăn. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra Ngô Văn N cùng đồng phạm còn khai nhận thêm đã thực hiện 10 vụ trộm cắp xe mô tô khác trên địa bàn các quận, huyện thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều tra đã thông báo nhưng chưa xác định được người bị hại nên tách ra xử lý sau là có cơ sở.

Đối với Lê Anh H, Trần Tấn V, Đồng Viết H khi thực hiện hành vi phạm tội do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên cơ quan Công an quận Cẩm Lệ đã đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính quản lý, giáo dục tại xã phường. Đối với Đỗ Thế C, Nguyễn Thanh Q, Ngô Văn N, Công an quận Cẩm Lệ đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với các tên K, Q, C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là có cơ sở.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Xe mô tô đã thu hồi và trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

[5] Về những vấn đề khác:

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 thanh kim loại hình trụ lục giác, một đầu dẹt, nhọn và 01 cờ lê số 8 (đoản phá khóa xe mô tô), là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu huỷ; trả lại cho Bùi Văn P 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn P.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn N, Bùi Văn P, Lương Võ K phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Lương Võ K, Bùi Văn H, Nguyễn Chí B, Đặng Thị Kim O, Lương Võ K, Trần Hữu H và Lê Tấn V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn N 16 (*mười sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 20/02/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74; Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn P 12 (*mười hai*) tháng tù. Tổng hợp hình phạt tại bản án số 85/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử phạt bị cáo 06 (*sáu*) tháng tù. Bị cáo phải chấp hành hình phạt là 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Võ K 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 09 (*chín*) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là 33 (*ba mươi ba*) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam, ngày 08/02/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí B 12 (*mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (*hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường H, thành phố A, tỉnh Quảng Nam giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu H 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Tấn V 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường P, quận L, thành phố Đà Nẵng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim O 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại hình trụ lục giác, một đầu dẹt, nhọn và 01 cờ lê số 8 (đoản phá khóa xe mô tô).

Tuyên trả lại cho Bùi Văn P 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Văn P.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/12/2017).

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo; người bào chữa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng

**HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Công an quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng